| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 21-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Tống Văn Tâm;

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST ngày 17/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2022/TB-DSST ngày 05/01/2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 1, khu phố A, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Phan Thanh N, sinh năm 1980; thường trú: 198/6 M, tổ 9, khu phố 5, phường Z, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 194 đường ĐX 071, khu phố 5, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/8/2020).

***- Bị đơn:***

+ Bà Đinh Thị C, sinh năm 1954 và ông Bồ Văn M, sinh năm 1951; cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

+ Bà Bồ Kim Ch, sinh năm 1987 và ông Lường A S, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Số 83/22 khu phố B, phường Y, thành phố X, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020; đơn rút một phần đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh N trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 14/11/2018, bà Nguyễn Thanh H cho vợ chồng bà Bồ Kim Ch, ông Lường A S vay số tiền 500.000.000 đồng với mục đích để ông bà làm ăn, bà Đinh Thị C là mẹ của bà Ch và là mẹ vợ của ông S cam kết nếu các con không thanh toán được số nợ trên thì bà C và chồng là ông Bồ Văn M sẽ bảo lãnh trả nợ thay.

Khi vay, các ông bà hứa khi nào có tiền sẽ thanh toán nợ hoặc trễ nhất là 01 năm tính từ ngày 14/11/2018 đến ngày 14/11/2019 sẽ trả nợ. Nếu trong thời hạn nêu trên mà bà H muốn lấy lại tiền thì thông báo trước 01 tháng. Vì chỗ thân quen, bà H tin tưởng cho vay. Khi ký giấy vay, ông S và bà C ký tên, điểm chỉ vào giấy vay, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Sợt.

Tháng 5/2019 bà H có nhu cầu lấy lại số tiền nên thông báo cho bà C, ông M, bà Ch và ông S nhưng các ông, bà hẹn đến hạn sẽ thanh toán, tuy nhiên đến ngày 14/11/2019, bà H liên lạc nhiều lần mà các ông, bà vẫn không thanh toán nợ cho bà H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Vì vậy, bà Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Buộc ông Lường A S, bà Bồ Kim Ch, bà Đinh Thị C, ông Bồ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thanh H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng

+ Buộc ông Lường A S, bà Bồ Kim Ch, bà Đinh Thị C, ông Bồ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thanh H tiền lãi tạm tính là 14 tháng x 0,83%/tháng x 500.000.000 đồng = 58.100.000 đồng.

Tổng cộng là 558.100.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 22/7/2021, ông Phan Thanh Ninh đại diện nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Đinh Thị C, chỉ yêu cầu ông Lường A S, bà Bồ Kim Ch và ông Bồ Văn M liên đới trả cho bà Nguyễn Thanh H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 14 tháng x 0,83%/tháng x 500.000.000 đồng = 58.100.000 đồng. Tổng cộng là 558.100.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Phan Thanh N đại diện nguyên đơn khởi kiện bổ sung đối với phần lãi suất, cụ thể yêu cầu ông Lường A S, bà Bồ Kim Ch và ông Bồ Văn M liên đới trả cho bà Nguyễn Thanh H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/11/2019 đến phiên tòa xét xử hôm nay là 25 tháng x 0,83%/tháng x 500.000.000 đồng = 103.750.000 đồng. Tổng cộng là 603.750.000 đồng.

*- Tại Đơn tường trình đề ngày 25/11/2020, Đơn xin bác bỏ đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021, bị đơn ông Bồ Văn M trình bày:* Ông M không đồng ý với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng ông không có liên quan đến việc vay mượn tiền, ông không quen bết bà H và không ký vào giấy vay mượn tiền nào của bà H.

Các bị đơn bà Đinh Thị C, ông Lường A S và bà Bồ Kim Ch không có văn bản trình bày ý kiến; ông Bồ Văn M, ông Lường A S và bà Bồ Kim Ch đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị S1 trình bày:* Ngày 14/11/2019, bà H có cho ông Bồ Văn M, bà Đinh Thị C, bà Bồ Kim Ch, ông Lường A S mượn số tiền 500.000.000 đồng, tại thời điểm cho mượn có mặt ông M, bà C, bà Ch và ông S. Bà S1 là người ghi giấy mượn tiền cho các bên ký nhận. Trong giấy mượn tiền này có sự cam kết bảo lãnh của bà Đinh Thị C và ông Bồ Văn M là cha mẹ của bà Ch, bà C và ông M đứng ra bảo lãnh trả số tiền trên bằng mọi hình thức nếu hai vợ chồng bà Ch, ông S vi phạm cam kết không trả tiền đúng thời hạn. Vì là chỗ quen biết và thân thiết nên khi ký giấy mượn tiền thì bà C ký đại diện bên cha mẹ, còn ông S ký đại diện cho các con, ông M và bà Ch không ký vào giấy vay. Khi ký xong, bà H đã giao số tiền trên cho ông M, bà C, ông S, bà Ch cùng nhận. Ngoài ra bà S1 không biết nội dung nào khác, bà S1 cam đoan lời khai là đúng. Do bận công việc đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung: Xét nội dung Giấy mượn tiền ngày 14/11/2018 và lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị S1 có căn cứ xác định có sự việc vay nguyên đơn cho vợ chồng bị đơn bà Ch, ông S vay số tiền 500.000.000 đồng với thời hạn và nội dung vay như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, tại nội dung bên vay tiền chỉ có chữ ký của ông S và bà C. Ông Bồ Văn M cho rằng ông không liên quan, không quen biết nguyên đơn và không ký vào bấ cứ giấy vay nào của nguyên đơn. Nguyên đơn cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh việc ông M đồng ý trả nợ thay cho bà Ch, ông S. Do đó, không có căn cứ buộc ông M có trách nhiệm bảo lãnh đối với khoản nợ trên.

Vợ chồng bị đơn bà Ch, ông S không tham gia tố tụng. Theo Biên bản xác minh ngày 22/4/2021 tại Công an phường B thì ông S, bà Ch có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 83/22 khu phố B, phường B, thành phố X, tỉnh Bình

Dương nhưng hiện đã đi khỏi nơi cư trú, không xác định được ông bà đang ở đâu. Khoản nợ vay có thời hạn thanh toán là 12 tháng và đã quá thời hạn trả nợ, việc thanh toán khoản vay là nghĩa vụ của ông S, bà Ch; bà Ch có nghĩa vụ phải biết và có nghĩa vụ phải tham gia vào quá trình tố tụng để bảo vệ quyền lợi của mình, tuy nhiên, bà Ch, ông S đều có thái độ trốn tránh tham gia tố tụng, xem như từ bỏ quyền chứng minh và tranh luận của mình, đo đó việc nguyên đơn yêu cầu bà Ch và ông S có trách nhiệm thanh toán khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

Về mức lãi suất chậm trả nguyên đơn yêu cầu là 0,83%/tháng xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Ch và ông S phải có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc và lãi suất chậm thanh toán. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông M thanh toán nợ thay cho bà Ch, ông S. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc bà Nguyễn Thanh H khởi kiện bà Đinh Thị C, ông Bồ Văn M, bà Bồ Kim Ch, ông Lương A S tại Tòa án, trong đó, bị đơn ông Bồ Văn M, bà Đinh Thị C có địa chỉ cư trú tại phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND thị xã T đã tiến hành triệu tập các bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do cho nên TAND thị xã T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt các bị đơn, lập biên bản không hoà giải được đồng thời tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi các bị đơn cư trú tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 22/7/2021, đại diện nguyên đơn ông Phan Thanh N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Đinh Thị C.

Về nội dung:

[1] Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H yêu cầu các bị đơn bà Đinh Thị C, ông Bồ Văn M, bà Bồ Kim Ch, ông Lương A S trả lại số tiền vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 14 tháng x 0,83%/tháng là 58.100.000 đồng. Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày phiên toà xét xử sơ thẩm là 103.750.000 đồng. Đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Đinh Thị C, chỉ yêu cầu các bị đơn ông Bồ Văn M, bà Bồ Kim Ch, ông Lương A S

phải thanh toán số tiền nêu trên. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Đinh Thị C của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và trong phạm vi được nguyên đơn uỷ quyền cho nên Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Đinh Thị C.

[2] Nguyên đơn xuất trình chứng cứ là "Giấy mượn tiền" ngày 14/11/2018 để xác định có giao dịch về hợp đồng vay tài sản đối với các bị đơn, nội dung giấy mượn tiền thể hiện bà Bồ Kim Ch cùng chồng là ông Lương A S và cha mẹ bà Ch là ông Bồ Văn M, bà Đinh Thị C cùng mượn bà H số tiền là 500.000.000 đồng. Giấy mượn tiền chỉ có chữ ký phần người mượn của bà Đinh Thị C và ông Lương A S. Bị đơn ông Bồ Văn M xác định ông M không có vay tiền nguyên đơn như đại diện nguyên đơn trình bày. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không tham gia tố tụng, Toà án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn ông Lương A S, bà Bồ Kim Ch và bà Đinh Thị C, tuy nhiên, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các bị đơn không có ý kiến phản đối. Như vậy, Giấy mượn tiền ngày 14/11/2018 được xem là chứng cứ chứng minh giao dịch về hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn cho rằng, các bị đơn ông Lương A S, bà Bồ Kim Ch, bà Đinh Thị C và ông Bồ Văn M cùng vay số tiền trên và yêu cầu các bị đơn liên đới trả tiền cho bà H. Ông Bồ Văn M có văn bản trình bày không thừa nhận có vay tiền, bà Bồ Kim Ch không có ký tên vào giấy mượn tiền, nguyên đơn cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác chứng minh ông M, bà Ch có tham gia vào việc vay tiền của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ vào nội dung giấy mượn tiền nêu trên chỉ có căn cứ xác định ông Lương A S và Bà Đinh Thị C là người vay tiền của nguyên đơn, có ký tên vào giấy mượn tiền, không có căn cứ xác định trách nhiệm trả nợ vay của ông M, bà Ch. Do đó, chỉ có cở sở xác định giữa bà Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị C, ông Lương A S đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại phiên toà đại diện nguyên đơn xác định bà C có ký tên vào giấy mượn tiền nhưng bà không sử dụng số tiền này nên không yêu cầu bà C trả nợ và rút yêu cầu khởi kiện đối với bà C, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, có căn cứ xác định, giao dịch về vay tài sản nêu trên chỉ có ông Lường A S là người tham gia giao dịch với tư cách là người vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn trả nợ nhưng ông S không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên số nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Lường A S và bà Bồ Kim Ch cho nên ông S, bà Ch cùng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[3] Về lãi suất chậm trả: Xét ý kiến của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày hết hạn trợ đến ngày xét xử sơ thẩm là 25 tháng x 0,83%/tháng là 103.750.000 đồng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy, ông Lường A S và bà Bồ Kim Ch phải trả cho bà Nguyễn Thanh H các khoản tiền như sau:

- Tiền vay gốc: 500.000.000 đồng;

- Tiền lãi: 103.750.000 đồng

Tổng cộng là: 603.750.000 đồng.

[5] Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Bồ Văn M thanh toán tiền vay, ông M không thừa nhận có vay tiền của bà H, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông M có vay tiền của bà H cho nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H đối với bị đơn ông Bồ Văn M.

[6] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bị đơn ông S, bà Ch được chấp nhận nên ông S, bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông M không được chấp nhận, tuy nhiên bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Lường A S, bà Bồ Kim Ch.

Buộc ông Lường A S và bà Bồ Kim Ch có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho bà Nguyễn Thanh H, gồm các khoản tiền sau:

- Tiền vay gốc: 500.000.000 đồng;

- Tiền lãi: 103.750.000 đồng

Tổng cộng là: 603.750.000 đồng. (Sáu trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Bồ Văn M.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Đinh Thị C.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn ông Lường A S và bà Bồ Kim Ch phải chịu 28.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**